Cơ quan: Uỷ ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
Thời gian ký: 15.04.2025 14:03:37 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 33 /GPMT-UBND	*Bạc Liêu, ngày 15 tháng 4 năm 2025*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tại Công văn số 152/DANN-ĐHDA ngày 12/3/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 114/TTr-SNNMT ngày 04 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, địa chỉ số 56, đường Nguyễn Huệ, khóm 5, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án nâng cấp, mở rộng cảng cá Gành Hào, tỉnh Bạc Liêu, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng cảng cá Gành Hào, tỉnh Bạc Liêu.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp 4, thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập: Quyết định số 1663/QĐ- UBND ngày 18/9/2017 của UBND tỉnh về việc

thành lập Ban quản lý cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tỉnh trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bạc Liêu. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: không có

1.4. Mã số thuế: 1900356515

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cảng cá.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: Tổng diện tích cảng cá là 7,56ha, diện tích trên cạn là 6,64ha, diện tích dưới nước là 0,92ha. Diện tích cảng hiện hữu 1,55ha, diện tích thu hồi, mở rộng cảng 5,09ha *(Theo Quyết định số 3443/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Gành Hào, tỉnh Bạc Liêu)*.

- Nhóm dự án: Dự án có tiêu chí tương đương dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tổng mức đầu tư 198.938 triệu đồng là dự án nhóm B (theo quy định của Luật đầu tư công) và thuộc mục số 2 Phần I (cụ thể dự án nhóm B có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường) Phụ lục IV. Danh mục các dự án đầu tư nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại Khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường là thuộc đối tượng phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trình UBND tỉnh cấp phép theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 và Điểm c Khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công suất:

Giai đoạn hiện hữu	**Giai đoạn nâng cấp, mở rộng**
Công suất thực tế hiện nay (*tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 tổng lượng tàu cập cảng cá là 1.870 lượt)*	- Tiếp nhận đến tàu 600CV. - 170 lượt chiếc tàu thuyền cập cảng một ngày. - Hàng thủy sản qua cảng: 40.000 tấn/năm.

- Quy trình công nghệ của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

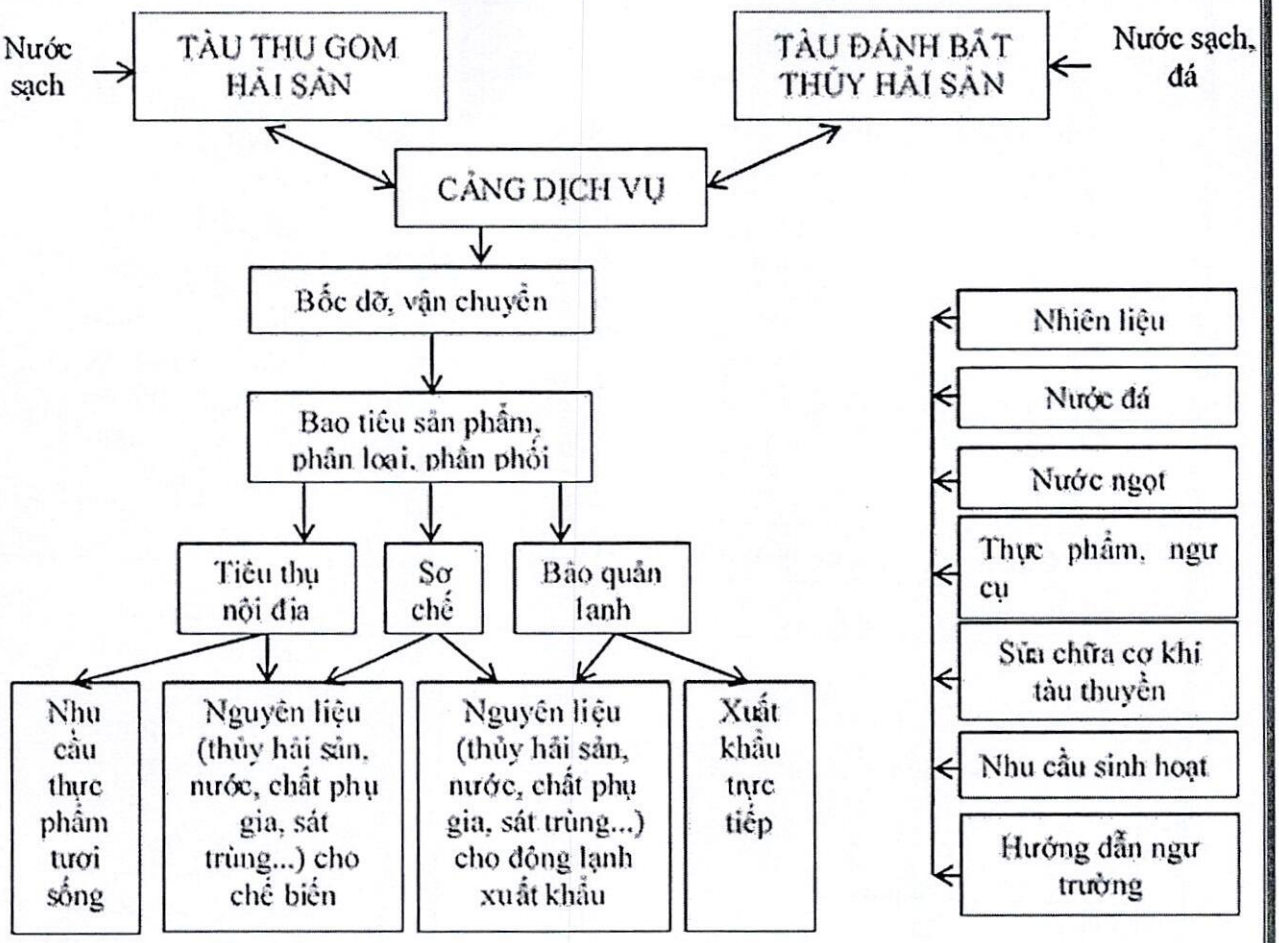

- Hạng mục công trình:

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Theo ĐTM được phê duyệt	Theo báo cáo đề xuất cấp GPMT	Nguyên nhân thay đổi	Tiến độ thực hiện
	Các hạng mục công trình chính					
I	**Nâng cấp cảng hiện hữu**					
1	Cầu tàu 600 CV hiện hữu nâng cấp B = 10m	m	60	60		100%
2	Cầu tàu 45 CV hiện hữu nâng cấp, mở rộng B = 10m	m	98	98		100%
II	**Phần cảng mở rộng**					
1	Công trình thủy công					
-	Cầu tàu 600CV xây dựng mới, B = 10m	m	140,00	140,00		100%

-	Kè bảo vệ bờ xây dựng mới	m	465,8	330,00	Điều chỉnh giảm theo Quyết định số 2894/QĐ-BNN-TCTS ngày 29/7/2022	100%
-	Đường dẫn ra cảng	m	176,00	-	Điều chỉnh giảm theo Quyết định số 532/QĐ-BNN-TS ngày 06/02/2025	
	Các hạng mục công trình phụ trợ					
1	Hạ tầng kỹ thuật					
-	Đường nội bộ cảng	m^2	1.778,00	-	Điều chỉnh giảm theo Quyết định số 532/QĐ-BNN-TS ngày 06/02/2025	
-	Bãi thao tác khu nhà TNPL (*Sân, bãi nội bộ*)	m^2	1.258,10	-	Điều chỉnh giảm theo Quyết định số 2894/QĐ-BNN-TCTS ngày 29/7/2022	
-	Hệ thống cấp điện					
+	*Tuyến đường dây cấp điện hạ thế trục chính, sinh hoạt*	*m*	*1.515,50*	-	Điều chỉnh giảm theo Quyết định số 532/QĐ-BNN-TS ngày 06/02/2025	
+	*Tuyến đường dây cấp điện chiếu sáng*	*m*	*1.540,00*	-		
2	Công trình kiến trúc, phụ trợ					
-	Nhà tiếp nhận phân loại số 1, số 2	m^2	760,00	760,00		100%
	Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường					
-	Hệ thống cấp nước	m	1.243,00	-	Điều chỉnh giảm theo Quyết định số 532/QĐ-BNN-TS ngày	
-	Hệ thống thoát nước					
+	*Tuyến cống thoát nước D1500*	*m*	*252,50*	-		

+	*Tuyến cống thoát nước D1000*	*m*	*241,00*	-	06/02/2025	
-	Trạm xử lý nước thải					
+	*Trạm xử lý nước thải*	*m^3/ngđ*	*800*	*800*		100%
+	*Nhà trạm xử lý nước thải*	*m^2*	*12,00*	*12,00*		100%
+	*Tuyến cống thu nước thải D600*	*m*	*1.508,4*	-	Theo bản vẽ thiết kế thi công, dự toán công trình được phê duyệt tại Quyết định số 1302/QĐ-BNN-TCTS ngày 13/4/2018 của Bộ NN và PTNT điều chỉnh giảm không thực hiện chỉ thực hiện D300	
+	*Hệ thống thu gom nước thải xử lý D300*	*m*	-	*294*	Theo bản vẽ thiết kế thi công, dự toán công trình được phê duyệt tại Quyết định số 1302/QĐ-BNN-TCTS ngày 13/4/2018 của Bộ NN và PTNT	100%

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường sau khi đảm bảo thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường sau khi đảm bảo thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường. Đồng thời, định kỳ hằng năm báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cảng cá gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan cấp phép.

2.6. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2.7. Công khai giấy phép môi trường của cảng cá theo quy định pháp luật.

2.8. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm *(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày .... tháng .... năm 2035)*.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cảng cá được cấp phép theo

quy định của pháp luật; đồng thời, Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định hồ sơ cấp phép và định kỳ hằng năm báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cảng cá về Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4:
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- CVP; PCVP tổng hợp;
- UBND huyện Đông Hải;
- Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT;
- Cổng TTĐT tỉnh; TT CBTH tỉnh;
- Lưu: VT, MT (GPMT11)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Hữu Trí

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 23../GPMT-UBND ngày .15... tháng ..4.... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.

- Nguồn số 02: Nước thải rửa sàn 02 nhà tiếp nhận phân loại, nước rửa 03 cầu tàu.

- Nguồn số 03: Nước thải rửa tàu cá, nước la canh.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được thải ra sông Gành Hào.

2.2. Vị trí xả nước thải: Hố ga quan trắc nước thải sau xử lý trước khi thải vào sông Gành Hào. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ VN 2000 kinh tuyến trục 105^0, múi chiếu 3^o): X: 999946,4, Y: 545301,2.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Lưu lượng xả nước thải lớn nhất đề nghị cấp phép là 594,2 m^3/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy sau khi xử lý, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn tự thoát ra sông Gành Hào.

2.5. Chế độ xả nước thải: Hàng ngày 24 giờ/ngày.đêm.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 11-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thuỷ sản (cột B, K_q = 0,9; K_f = 1,2), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 11-MT:2015/BTNMT (cột B, K_q = 0,9; K_f = 1,2)
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD_5 20^0C	mg/L	54
3	COD	mg/L	162
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	108
5	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	21,6

6	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/L	64,8
7	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	21,6
8	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/L	21,6
9	Clo dư	mg/L	2,16
10	Tổng Coliforms	MPN/100mL	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải:

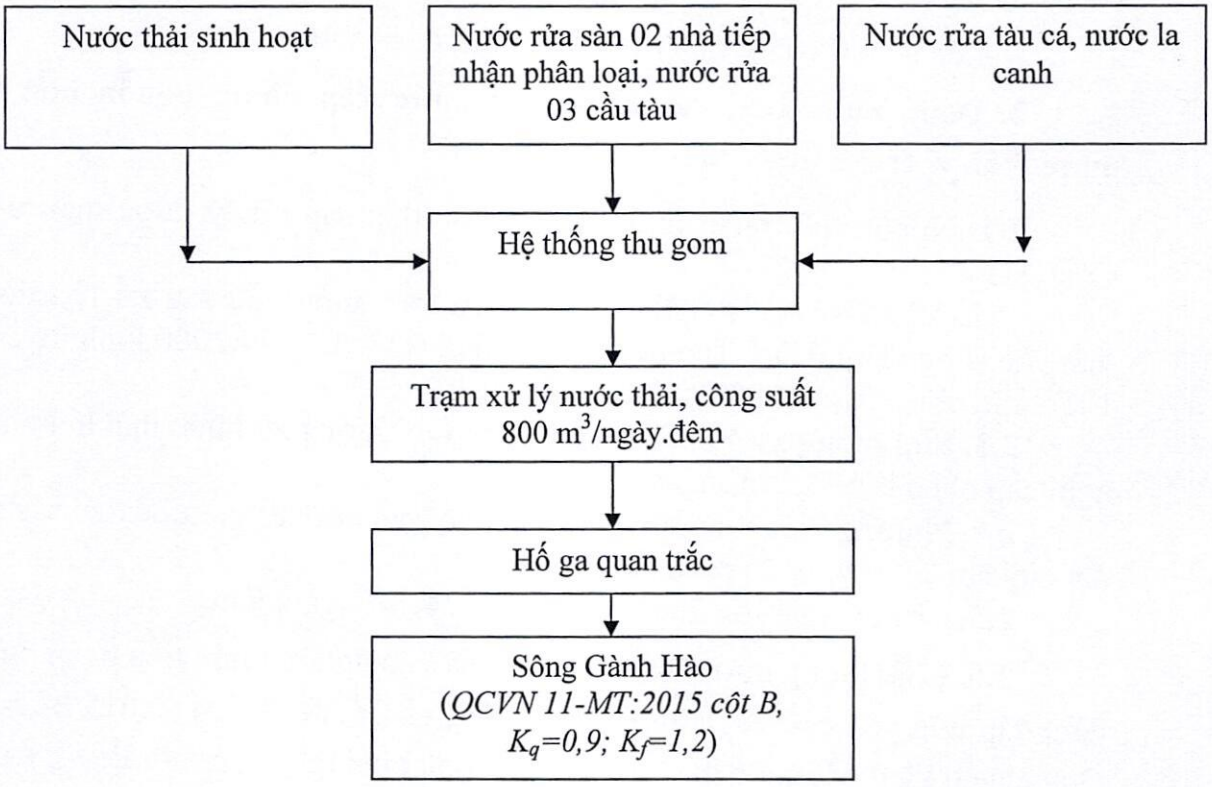

- Công trình thu gom nước thải:

Nước thải sinh hoạt: phát sinh chủ yếu từ nhà vệ sinh. Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 126,3 m^3/ngày. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn (*xây dựng 05 hầm tự hoại, thể tích mỗi hầm 50 m^3, kích thước 5m x 5m x 2m, kết cấu BTCT*). Bố trí tuyến cống thu gom nước thải sinh hoạt về hố ga thu gom nước thải bằng tuyến cống tròn D300, BTCT; độ dốc 0,0033, chiều dài 95m tính từ bể tự hoại đến điểm đấu nối. Hố ga: 07 cái.

Nước thải rửa 02 nhà tiếp nhận phân loại: Chủ yếu từ quá trình rửa sàn 02 nhà tiếp nhận phân loại. Bên trong 02 nhà tiếp nhận phân loại bố trí rãnh thu gom nước, có song chắn rác để ngăn phế thải thuỷ sản, nước rửa nền sàn. Hệ thống thu gom bằng bê tông chiều rộng 0,4m, chiều sâu 0,5m, chiều dài 88m; độ dốc 0,0033 dẫn về hố ga thu gom nước thải tập trung của cảng. Sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung bằng hệ thống thu gom nước thải xử lý D300 dài 294m.

Nước thải rửa cầu tàu: Chủ yếu từ quá trình rửa cầu cảng. Xung quanh cầu cảng 45CV, 600CV cải tạo và 600CV mới sẽ bố trí rãnh thu gom nước thải, có song chắn rắc để ngăn phế thải thuỷ sản, nước rửa nền sàn. Hệ thống thu gom bằng bê tông chiều rộng 0,4m, chiều sâu 0,5m, chiều dài 88m; độ dốc 0,0033 dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung. Hố ga: 08 cái.

Nước thải rửa tàu cá: Chủ yếu từ quá trình vệ sinh tàu cá neo đậu. Nước thải này được thu gom vào bồn chứa (*03 bồn, thể tích mỗi bồn 5m^3, kết cấu BTCT, 02 bồn trên cầu tàu 600CV mới và cầu tàu 45CV, 01 bồn trên cầu tàu 600 cải tạo*); 03 máy bơm nước thải tàu thuyền về bồn chứa. Bên trong bồn chứa thiết kế 01 bể tách dầu, thể tích 1m^3 để thu gom dầu mỡ thải. Nước thải sau khi tách dầu mỡ sẽ thoát vào hệ thống thu gom bằng bê tông chiều rộng 0,4m, chiều sâu 0,5m, chiều dài 88m; độ dốc 0,0033 dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung. Hố ga: 07 cái.

Nước thải từ cảng cá hiện hữu: Được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Công trình thoát nước thải:

+ Công trình thoát nước thải của giai đoạn hiện hữu

Nước thải phát sinh từ kios của các hộ kinh doanh tại cảng cá được thu gom bằng hệ thống mương hở, chiều dài 150m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, độ dốc i = 0,0033, số lượng hố ga 8 cái.

+ Công trình thoát nước thải của giai đoạn nâng cấp, mở rộng

Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn hiện hành được dẫn ra ngoài thông qua hệ thống ống uPVC D300, độ dốc i= 0,0033, tập trung tại hố ga quan trắc sau đó thoát ra sông Gành Hào bằng 01 cửa xả, BTCT D1200.

Dự án sử dụng phương pháp lắng tại các hố ga để giảm độ chênh cao giữa điểm đầu và điểm cuối của hệ thống dẫn nước thải với độ dốc i = 0,0033. Biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ các hố ga này là bố trí các nắp đậy hố ga, rắc vôi trong trường hợp phát sinh mùi hôi.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt:

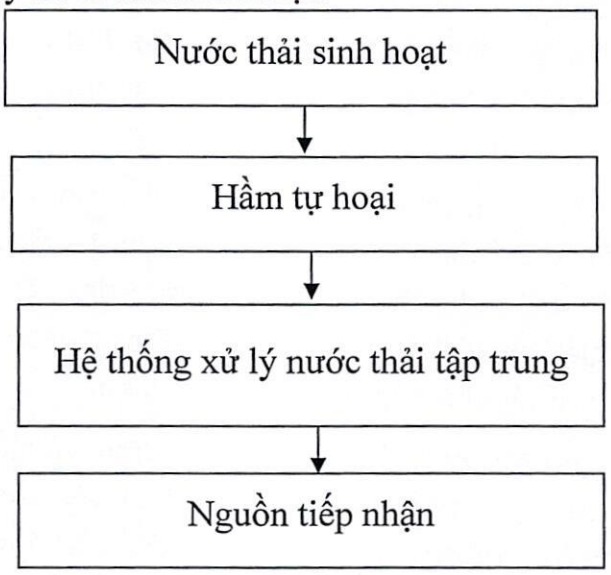

Nước thải sau bể tự hoại 3 ngăn dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 800 m^3/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

1.2.2. Nước rửa cảng cá, 02 nhà tiếp nhận phân loại và nước thải rửa tàu cá

- Quy trình công nghệ xử lý:

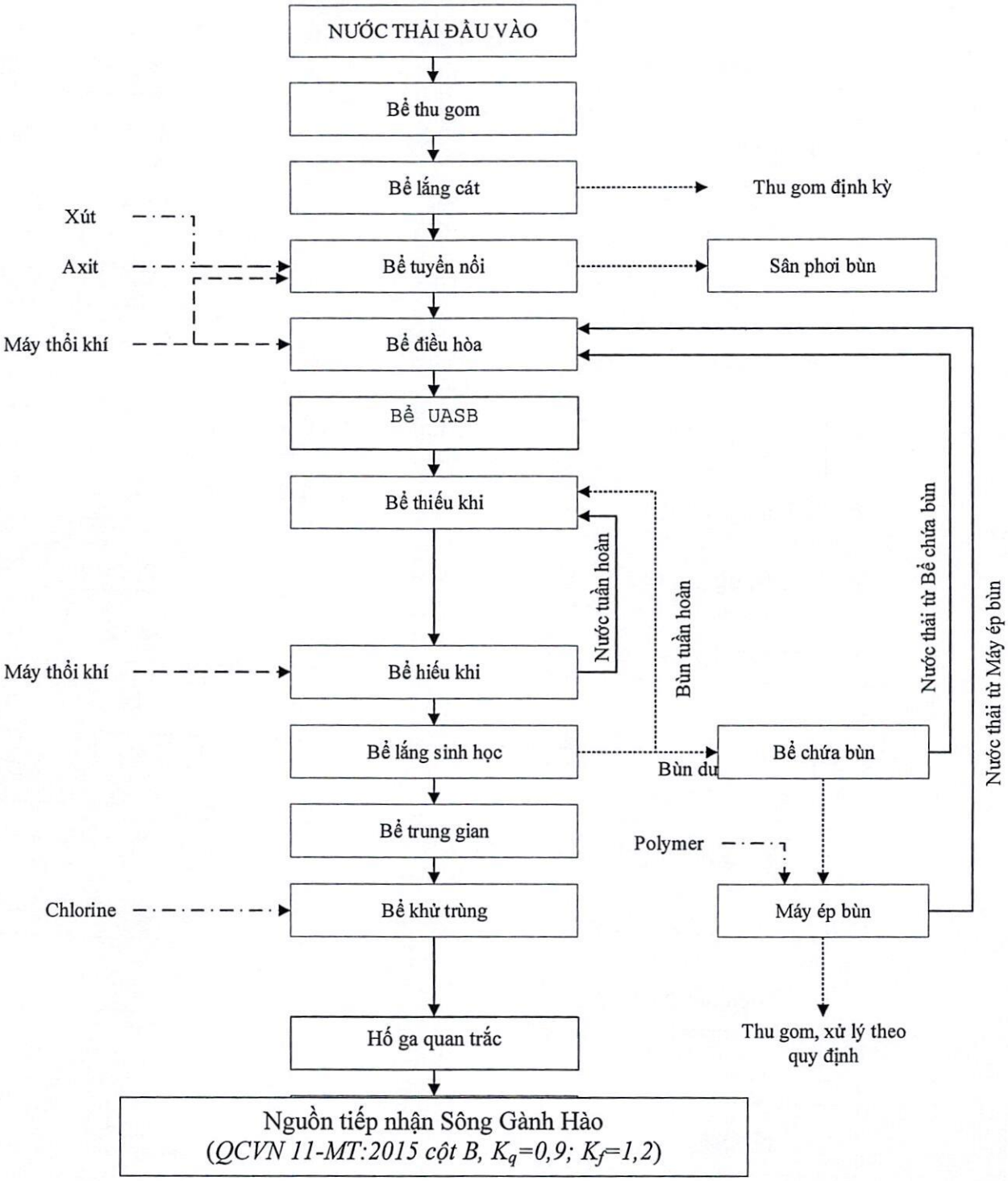

- Công suất thiết kế: 800 m^3/ngày.đêm
- Thông số kỹ thuật cơ bản.

Stt	Hạng mục	Kích thước hữu dụng (Dài x Rộng x Sâu) (m)	Thể tích (m^3)	Thời gian lưu
1	Bể thu gom	2,1 x 2,1 x 3,1	13,7	0,4 giờ
2	Bể lắng cát	3,35 x 3,05 x 4,2	42,9	1,28 giờ

Stt	Hạng mục	Kích thước hữu dụng (Dài x Rộng x Sâu) (m)	Thể tích (m^3)	Thời gian lưu
3	Bể tuyển nổi	6,35 x 2,0 x 4,2	53,34	1,6 giờ
4	Bể điều hoà	7,9 x 6,35 x 3,9	195,6	5,84 giờ
5	Bể UASB (4 bể)	3,7 x 3,7 x 5,45	298,4	8,9 giờ
6	Bể thiếu khí (2 bể)	4,35 x 3,7 x 3,9	125,5	3,75 giờ
7	Bể hiếu khí (2 bể)	13,5 x 4,35 x 3,9	458	13,7 giờ
8	Bể lắng (2 bể)	4,35 x 4,35 x 3,9	147,6	4,4 giờ
9	Bể trung gian (02 bể)	4,35 x 1,5 x 3,5	45,7	1,36 giờ
10	Bể khử trùng	9,0 x 1,5 x 2,9	39,15	1,17 giờ
11	Bể chứa bùn	3,45 x 3,05 x 4,2	44	26,25 giờ
12	Hố ga quan trắc	1 x 1 x 1	1	0,03 giờ

- Hoá chất, vật liệu sử dụng:

Stt	Danh mục	Đơn vị	Lượng sử dụng (ngày)
1	Điện năng sử dụng	kWh	58
2	Axit	kg	5
3	NaOH	kg	8
4	Polyme dạng cation	kg	3
5	Javen	kg	8

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Khi có sự cố xảy ra tiến hành đánh giá lại quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra các hệ thống sau đó tiến hành cô lập nước thải không được chảy tràn ra

khu vực xung quanh và phối hợp với các đơn vị chuyên môn tiến hành khắc phục lại các sự cố. Sự cố trạm xử lý nước thải có thể xảy ra trong quá trình hoạt động do hư hỏng các thiết bị như máy bơm, máy thổi khí,... của hệ thống xử lý. Do đó, hệ thống cần phải có nhân viên chuyên môn về môi trường và nhân viên vận hành hệ thống xử lý phù hợp để khi gặp sự cố thì sẽ có người am hiểu để giải quyết tốt các vấn đề xảy ra.

Thường xuyên kiểm tra hệ thống, tình trạng kỹ thuật của máy móc thiết bị đang hoạt động, thay thế sửa chữa kịp thời máy móc hư hỏng.

Huấn luyện nhân viên vận hành kỹ thuật, tiêu chuẩn đầy đủ.

Thực hiện chương trình quan trắc và tiến hành các hoạt động thường nhật, để hệ thống xử lý nước thải hoạt động tốt trong thời gian dài.

Trường hợp, sự cố nước thải vượt quá khả năng ứng phó, cơ sở phải ngưng toàn bộ các hoạt động phát sinh nước thải cho đến khi sự cố hoàn toàn được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

TT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian		Công suất
		Bắt đầu	Kết thúc	
-	Hệ thống xử lý nước thải công suất 800 m^3/ngày.đêm	Sau khi được UBND tỉnh cấp giấy phép môi trường	6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm	50%

- Công trình, thiết bị xả thải phải vận hành thử nghiệm:

Công trình	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Tần suất	Thời gian quan trắc	Số lượng mẫu	Quy chuẩn so sánh
Hệ thống xử lý nước thải công suất 800 m^3/ngày	Tại bể thu gom nước thải đầu vào	Lưu lượng, pH, TSS, BOD_5, COD, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Photpho,	1 ngày/ lần	Ngày đầu tiên của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải	1 mẫu đơn	**QCVN 11-MT :2015/ BTNMT (cột B, K_q = 0,9 và K_f = 1,2)**

đêm		Dầu mỡ động thực vật, Clo dư, Tổng Coliforms				
	Tại hố ga quan trắc nước thải sau xử lý	Lưu lượng, pH, TSS, BOD_5, COD, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Dầu mỡ động thực vật, Clo dư, Tổng Coliforms	1 ngày/ lần	- Lần 1 : Ngày đầu tiên của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải - Lần 2 : Ngày kế tiếp kể từ ngày lấy mẫu lầ 1 - Lần 3 : Ngày kế tiếp kể từ ngày lấy mẫu lần 2	3 mẫu đơn	**QCVN 11-MT :2015/ BTNMT (cột B, K_q = 0,9 và K_f = 1,2)**

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cảng bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; kiểm tra thường xuyên hệ thống xử lý nước thải, đường ống dẫn nước thải đảm bảo chắc chắn, không rò rỉ ra môi trường xung quanh, không xả nước thải chưa qua xử lý ra nguồn tiếp nhận.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện xả nước thải vào nguồn nước.

3.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện quan trắc nước thải định kỳ:

+ Vị trí giám sát:

+ + 01 vị trí tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải

+ + 01 vị trí tại hố ga quan trắc sau xử lý trước khi thải ra sông Gành Hào.

+ Tần suất: 3 tháng/lần.

+ Nội dung: pH, BOD_5, COD, TSS, Amoni (NH_4^+ tính theo N), Tổng Nitơ (tính theo N), Tổng Phốt pho (tính theo P), Tổng dầu, mỡ động thực vật, Clo dư, tổng Coliforms.

+ Tiêu chuẩn so sánh/Quy định: QCVN 11-MT:2015/BTNMT (cột B, K_q = 0,9; K_f = 1,2).

- Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 33../GPMT-UBND ngày ..15.. tháng ..4.... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Dự án không phát sinh khí thải trong giai đoạn vận hành. Do đó, không cấp phép đối với khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Dự án không phát sinh khí thải trong giai đoạn vận hành. Tuy nhiên, trong quá trình vận hành Chủ đầu tư thực hiện các biện pháp giảm thiểu nhằm đảm bảo chất lượng môi trường không khí trong khu vực Dự án như sau:

* Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải từ động cơ tàu thuyền:

- Ban Quản lý cảng cá yêu cầu tàu thuyền thường xuyên bảo dưỡng máy tàu, không dùng máy tàu quá cũ, hết niên hạn sử dụng. Cơ quan đăng kiểm không cho phép các phương tiện không đảm bảo tiêu chuẩn khí thải lưu hành Ban Quản lý Cảng cá và Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá không cho tàu cá không có đăng kiểm cập hoặc xuất cảng.

- Ban Quản lý cảng cá sắp xếp phân luồng tàu thuyền ra vào cảng hợp lý tránh dồn ứ thải nhiều khí thải cục bộ.

- Tàu thuyền không nổ máy không tải, hoặc rú ga trong khu neo đậu của cảng.

* Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ quá trình đốt cháy không hoàn toàn nhiên liệu (*từ các phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm tại cảng cá):*

- Sử dụng nhiên liệu cho các động cơ có hàm lượng lưu huỳnh thấp S=500mg/kg (*theo QCVN 01:2015/BKHCN, mức 2 đối với xăng không chì và nhiên liệu điêzen*) để hạn chế các loại khí độc hại.

- Vận hành máy đúng kỹ thuật, bảo trì định kỳ.

* Biện pháp giảm thiểu mùi hôi tanh phát sinh từ tôm cá vương vãi và phế thải thủy sản không được thu gom, xử lý kịp thời; mùi ươn tanh do thủy sản bốc xếp lên cảng chất lượng thấp, nước thải vựa cá, các tàu cá khi về bến:

- Làm tốt công tác vệ sinh môi trường, sau mỗi đợt tiếp nhận thủy sản hoặc 1 ca sản xuất phải dọn vệ sinh ngay. Thu gom phế thải bằng túi nilon sau

đó cho vào thùng đựng phế thải thủy sản để Trung tâm dịch vụ đô thị huyện Đông Hải thu gom, vận chuyển. Sau đó quét dọn và rửa sạch nền sàn.

- Hệ thống thoát nước thải đảm bảo tiêu thoát hết nước thải về trạm xử lý nước thải. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng cống tiêu để nước thải không bị ùn ứ trên cảng.

- Thay đổi công nghệ đánh bắt, thu mua và bảo quản để nâng cao chất lượng hàng thủy sản để thủy sản không bị hỏng và bốc mùi ươn tanh. Trong đó thời gian bảo quản thủy sản bằng nước đá không được quá 12 ngày. Nếu không phải chuyển sang bảo quản bằng công nghệ tiên tiến hơn.

- Thường xuyên kiểm tra và kịp thời sửa chữa các thiết bị cấp nước, cấp khí...tránh hiện tượng rò rỉ, thất thoát, gây lãng phí nguyên, nhiêu liệu và giảm phát sinh chất thải.

- Hạn chế sử dụng các loại thiết bị vận chuyển và sản xuất quá cũ, có kế hoạch kiểm định phương tiện vận chuyển và máy móc sản xuất theo định kỳ.

- Nâng cao chất lượng hàng thủy sản cập cảng theo hướng ưu tiên hàng giá trị kinh tế cao, bảo quản tốt, chưa bị phân hủy và ít mùi ươn tanh.

- Làm tốt công tác vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm: đầu tư các công trình bảo vệ môi trường, thường xuyên thu dọn vệ sinh cảng.

- Dự án không sử dụng thiết bị làm lạnh sử dụng khí NH_3 mà chỉ bảo quản thủy sản bằng nước đá cây, do đó không rò rỉ khí thải NH_3 từ thiết bị làm lạnh.

2. Thực hiện quan trắc định kỳ không khí:

- Vị trí giám sát

+ 01 vị trí tại cầu cảng.

+ 01 vị trí tại tỉnh lộ 982.

- Tần suất: 6 tháng/lần.

- Thông số quan trắc: NO_x, SO_2, CO.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..22../GPMT-UBND ngày ..05.. tháng ..4.... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh: Hoạt động tàu thuyền ra vào tại 03 cầu cảng.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Cầu cảng 600CV hiện hữu: Tọa độ X = 1000012, Y = 545184.

+ Cầu cảng 600CV mới: Tọa độ X = 1000054, Y = 545134.

+ Cầu cảng 45CV: Tọa độ X = 999951, Y = 545295.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°)

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung cụ thể như sau:

- Đối với tiếng ồn: Giá trị giới hạn tiếng ồn được quy định trong giới hạn của QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày (khu vực thông thường)	Giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT (dBA)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	55

- Đối với độ rung: Giá trị giới hạn độ rung được quy định trong giới hạn của QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày (khu vực thông thường)	Giới hạn cho phép theo QCVN 27:2010/BTNMT (Mức gia tốc rung cho phép, dB)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Khuyến khích tàu thuyền lắp động cơ đạt tiêu chuẩn độ ồn và có thiết kế cách âm khoang máy. Khuyến khích chủ tàu thường xuyên bảo dưỡng máy tàu để giảm tiếng ồn. Không cho phép tàu quá cũ, không được đăng kiểm cập cảng. Cơ quan đăng kiểm không cho phép các phương tiện không đảm bảo tiêu chuẩn ồn lưu hành.

- Ban quản lý cảng cá sắp xếp phân luồng tàu thuyền ra vào cảng hợp lý tránh gây ồn cục bộ. Tàu thuyền neo đậu trong cảng không kéo còi hoặc rú ga.

- Máy xay đá và máy nén khí phải đặt trong phòng kín có cách âm để hạn chế ồn. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, thay các máy móc có độ ồn lớnbằng máy có độ ồn nhỏ hơn. Không được hoạt động sau 21 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau để tránh ảnh hưởng đến cư dân xung quanh cảng cá.

- Trồng bổ sung 03 hàng cây tạo bóng mát dọc theo tường rào để ngăn tiếng ồn lan tỏa ra khu vực lân cận. Xung quanh nhà máy nước đá và kho lạnh trồng 02 hàng cây tạo bức tường xanh ngăn tiếng ồn. Chọn loại cây nhiều lá, tán rộng để tăng khả năng ngăn chặn tiếng ồn từ cảng lan tỏa ra xung quanh.

2. Biện pháp giảm thiểu độ rung

- Bảo quản, sửa chữa kịp thời các máy móc, thiết bị. Kiểm tra độ mòn các chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.

- Định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị, tra dầu máy móc.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của cảng cá phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Chương trình quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí

- Vị trí giám sát

+ 01 vị trí tại cầu cảng;

+ 01 vị trí tại tỉnh lộ 982.

- Tần suất: 6 tháng/lần.

- Nội dung: Tiếng ồn, Độ rung.

- Tiêu chuẩn so sánh/Quy định: QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT./.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 33../GPMT-UBND ngày ..15.. tháng ..4.... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình	Mã CTNH
I	***Từ ghe, thuyền, tàu cá***			
A	**Chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**		**215 (kg/năm)**	
1	Nước rửa két	Lỏng	45	
2	Nước dằn bẩn	Lỏng	12	
3	Dầu cặn	Lỏng	24	
4	Dầu lẫn nước	Lỏng	134	
B	**Chất thải nguy hại phát sinh định kỳ**		**335 (kg/năm)**	
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5	16 01 06
2	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại, chai can dầu,...	Rắn	30	18 02 01
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	200	18 01 02
4	Bao bì mềm thải	Rắn	100	18 01 01
II	***Hoạt động của cảng cá***		**58 (kg/năm)**	
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5	16 01 06
2	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại, chai can dầu,.	Rắn	50	18 02 01
3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	3	08 02 04
Tổng số lượng			**608 (kg/năm)**	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Khối lượng chất thải từ phế phẩm thủy sản (việc hàng hóa cập bến) khoảng 250 kg/ngày.

- Khối lượng ngư lưới cụ, thiết bị tàu hỏng khoảng 20 kg/ngày.

- Khối lượng chất thải từ trạm thải hệ thống xử lý nước thải khoảng 6 kg/ngày (*bùn sau khi cô đặt*).

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt từ công nhân viên quản lý và các thuyền viên ở lại trên tàu,... Khối lượng phát sinh khoảng 230 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Kho chứa chất thải nguy hại:

+ Diện tích kho: 4 m^2.

+ Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy, thể tích 90-120 lít/thùng.

+ Bố trí các thùng nhựa HDPE loại 120 lít, có dán nhãn mã số CTNH. Các loại chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của cảng sẽ được thu gom, phân loại và lưu trữ trong các thùng chứa theo đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT. Ban Quản lý dự án đã hợp đồng với đơn vị có chức năng để đến thu gom và xử lý các loại chất thải nguy hại này theo quy định. Chất thải nguy hại phát sinh tại các tàu, ghe, thuyền sẽ được chủ tự thu gom và xử lý theo quy định; Đối với chất thải nguy hại từ quản lý cảng cá sẽ được chủ dự án thu gom, lưu trữ trong các thùng chứa riêng biệt trong kho chứa chất thải nguy hại và được Công ty CP công nghệ môi trường Trái Đất Xanh thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (*kèm theo hợp đồng kinh tế số 3901B/2024/HĐ-TĐX ngày 02/10/2024 đã ký giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và Công ty CP công nghệ môi trường Trái Đất Xanh*).

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường;

Đối với phế phẩm thuỷ sản: Đối với khối lượng chất thải rắn từ phế phẩm thủy sản sẽ được các chủ ghe, chủ thuyền tận thu triệt để và bán cho các cơ sở thu mua làm thức ăn chăn nuôi, chế biến thành bột cá, ủ nước mắm,... chỉ có 1 phần nhỏ tôm cá vương vãi trong quá trình vận chuyển thủy sản cập cảng. Vì vậy, biện pháp giảm thiểu phát sinh rác thải là thu gom bằng các thùng đựng phế phẩm và gom chung với rác thải sinh hoạt và hợp đồng với đơn vị thu gom tại địa phương để vận chuyển về bãi rác xử lý, ngoài ra thực hiện việc quét dọn và rửa nền sàn thường xuyên.

- Thùng đựng phế thải thủy sản bằng nhựa composite có nắp đậy, loại 250L, số lượng 12 thùng.

Đối với ngư lưới cụ, thiết bị tàu hỏng: Thu dọn ngay sau khi sửa chữa xong ngư lưới cụ. Phế thải cho vào thùng đựng chất thải rắn vô cơ. Bố trí 3 thùng đựng rác thải dung tích 100L bằng thép inox, số lượng 03 thùng trên 03 cầu cảng.để đựng chất thải rắn và ngư lưới cụ hỏng. Thùng sơn mầu nâu ghi dòng chữ "Thùng đựng chất thải rắn' Định kỳ Ban quản lý dự án cảng cá Gành Hào bán ngư lưới cụ hỏng cho cơ sở thu mua phế liệu với tần suất khoảng 3 tháng/lần.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường sẽ được thu gom và xử lý theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Đối với bùn thải: Sau khi được bơm vào bề chứa bùn sẽ bị nén lại để giảm thiểu thể tích bùn và được bơm vào máy ép bùn để tách nước, giảm thể tích. Bùn sau khi tách nước sẽ được lấy mẫu theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để phân tích về thành phần nguy hại theo QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải:

- Nếu lượng bùn dư từ hệ thống xử lý nước thải của dự án **không có** thành phần chất thải nguy hại thì sẽ hợp đồng với đơn vị thu gom rác thông thường tại địa phương đến thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Nếu lượng bùn dư từ hệ thống xử lý nước thải của dự án **có** thành phần chất thải nguy hại thì liệt kê bùn thải vào danh mục chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Trong quá trình chưa phân định bùn thải thì chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng *(được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép)* để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Hiện nay, hệ thống xử lý nước thải đã được xây dựng và lắp đặt thiết bị, tuy nhiên dự án đang trong quá trình xin cấp giấy phép môi trường để đi vào vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức nên chưa phát sinh lượng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải. Sau khi dự án đi vào hoạt động có phát sinh bùn thải sẽ được phân định theo QCVN 50:2013/BTNMT.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt từ công nhân viên quản lý và các thuyền viên ở lại trên tàu,... Khối lượng phát sinh khoảng 230 kg/ngày. Chủ dự án bố trí thùng đựng rác thải sinh hoạt 100L nhựa, composite có nắp đậy, 18 thùng đặt tại khu vực của cảng cá và bố trí công nhân đi thu gom và tập kết chất thải rắn sinh hoạt về nơi lưu giữ chất thải rắn tạm thời.

Hợp đồng với đơn vị thu gom rác của địa phương để thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày.

- Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

+ Thiết bị lưu chứa: thùng đựng rác thải sinh hoạt 100L nhựa, composite có nắp đậy, 18 thùng.

+ Khu vực lưu chứa: Tại khu vực của cảng cá. Diện tích khu vực lưu chứa *(khu vực để thùng chứa tạm rác)*: khoảng 0,5 m^2/thùng.

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: nền xi măng.

2.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

2.4.1. Giám sát khối lượng chất thải rắn

- Lập sổ theo dõi, giám sát việc thu gom vào nơi chứa, lưu giữ hợp đồng hoặc chứng từ, giấy tờ có liên quan đến việc chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Vị trí giám sát: Toàn bộ Cảng cá Gành Hào.

- Tần suất: Hàng ngày.

- Nội dung: Giám sát khối lượng tôm cá và phế thải thuỷ sản vương vãi và làm nhiễm bẩn cảng.

- Tiêu chuẩn so sánh/Quy định: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2.4.2. Giám sát chất thải rắn nguy hại

- Lập sổ theo dõi khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh hàng ngày thu gom vào nơi chứa theo quy định. Lưu giữ hợp đồng, chứng từ, biên bản bàn giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý và quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Trong quá trình lưu trữ chất thải nguy hại thực hiện đúng theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Kho lưu chứa chất thải nguy hại tại cảng cá phải đảm bảo yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Xây dựng phương án và thực hiện biện pháp phòng ngừa các sự cố có thể xảy ra trong quá trình hoạt động của cảng cá như: Đối với công trình thu gom, thoát nước thải; sự cố tràn dầu; sự cố thiên tai, bão lũ; sự cố sạt lở cầu

cảng; sự cố cháy nổ; ...

3. Đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.